

Bản án số: 24/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 23/5/2023
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mạc Thúy Ngân

2. Bà Vũ Thị Linh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 8 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1972.

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 3 khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H.

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư B - T, phường C, thành phố C, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số nhà 370 khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H.

Chị D và anh H đều vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D và bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh chị sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 tại khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H nhưng do mãi làm ăn kinh tế, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc. Đến năm năm 2022 xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H có tình cảm

với người phụ nữ khác nhưng chị không quan tâm đến ý là ai. Dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm lạnh nhạt dần. Anh H đánh đập và xúc phạm chị. Cuộc sống gia đình ngột ngạt, không có tiếng nói chung, đến năm 2017 thì anh H thường xuyên vắng nhà, gần như anh H ở lại nơi làm việc ít khi ngủ ở nhà. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không hàn gắn được đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Anh H trình bày: do năm 2022 vợ chồng anh chị có xây nhà cho con trai lớn ở gần nhà bố mẹ để chị D, chị D có bảo anh vào ở cùng nhưng anh không muốn vào đó. Chị D nghi ngờ anh có người phụ nữ khác và nói là sẽ bỏ anh nên anh cũng không giải thích gì thêm. Nay chị D đề nghị ly hôn và anh H cũng đồng ý. **Chị D và anh H cũng thống nhất đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.**

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 20/6/1990 và Nguyễn Văn H1, sinh ngày 18/10/1992. Hiện các con chung của anh chị đều đã trưởng thành trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường nên chị D và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tại biên bản xác minh với trưởng khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H xác định: Qua nắm bắt tại địa phương chị D và anh H có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương từ năm 1990 nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi cưới anh chị chung sống tại khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh H. Mâu thuẫn của anh chị địa phương không nắm rõ nhưng chỉ biết thời gian gần đây anh chị có nhiều mâu thuẫn bất đồng do tính cách không hòa hợp. Chị D đã về khu dân cư B- T, phường C sinh sống từ năm 2017 và ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm nhau nữa. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 20/6/1990 và Nguyễn Văn H1, sinh ngày 18/10/1992. Hiện các con chung của anh chị đều đã trưởng thành trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường. Về tài sản chung: địa phương không nắm được.

- Tại biên bản xác minh với UBND phường S thể hiện: Hiện tại UBND phường S vẫn còn lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn và sổ xác nhận tình trạng hôn nhân từ năm 1985 đến nay. Trong các sổ còn lưu giữ không có trường hợp đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị D với anh Nguyễn Văn H. Anh Nguyễn Văn H cũng chưa xin cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích đăng ký kết hôn lần nào.

- Tại Công văn số 02/CV-UBND ngày 03/01/2023 của UBND phường Cộng Hòa thể hiện: Trong các sổ đăng ký kết hôn và sổ xác nhận tình trạng hôn

nhân còn lưu giữ tại Ủy ban nhân dân phường C không có trường hợp đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị D với anh Nguyễn Văn H. Anh Nguyễn Văn H cũng chưa xin cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích đăng ký kết hôn lần nào.

- Tại biên bản xác minh với phòng tư pháp thành phố C thể hiện: Qua rà soát kiểm tra sổ đăng ký kết hôn và sổ xác nhận tình trạng hôn nhân từ năm 1990 đến nay. Trong các sổ còn lưu giữ không có trường hợp đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị D với anh Nguyễn Văn H. Anh Nguyễn Văn H cũng chưa xin cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích đăng ký kết hôn lần nào.

Tại phiên tòa:

Chị D và anh H đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, **khoản 1 Điều 238**, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Cả hai con chung của anh chị là Nguyễn Văn C, sinh ngày 20/6/1990 và Nguyễn Văn H1, sinh ngày 18/10/1992. Hiện các con chung của anh chị đều đã trưởng thành trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường nên chị D và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị D khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H có địa chỉ thường trú tại phường S, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị D và anh H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng chị D và anh H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị D và bị đơn anh H cũng không có yêu cầu phản tố.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị D, anh chị đã chung sống với nhau ở phố T, thị trấn S (nay là khu dân cư T, phường S, thành phố C) từ năm 1990. Từ đó đến nay anh chị không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nào. Xác minh tại UBND phường S, phường C và phòng Tư pháp thành phố C thể hiện: từ năm 1990 đến nay, không có thông tin đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H. Như vậy, có căn cứ xác định chị D và anh H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định và kể từ đó đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn theo hướng dẫn tại Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 9-6-2000 của Quốc hội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa chị D và anh H không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, chị D xin ly hôn anh H, Tòa án sẽ tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 20/6/1990 và Nguyễn Văn H1, sinh ngày 18/10/1992. Hiện các con chung của anh chị đều đã trưởng thành trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường nên chị D và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0003249 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản

1 Điều 39, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, **khoản 1 Điều 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự**; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Xử: Không công nhận chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Cả hai con chung của anh chị là Nguyễn Văn C, sinh ngày 20/6/1990 và Nguyễn Văn H1, sinh ngày 18/10/1992. Hiện các con chung của anh chị đều đã trưởng thành trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường nên chị D và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: **Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0003249 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.**

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân Anh